TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2019.
"V/v không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Minh Tân.
2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bạch Nh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Thị L, sinh năm 1988 (có mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.
- Bị đơn: Lâm Bửu S, sinh năm 1988 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị L trình bày:

Chị L và anh S do quen biết và có tìm hiểu khoảng 06 tháng, có tổ chức đám cưới năm 2012 nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị L và anh S bắt đầu sống chung như vợ

chồng vào năm 2012, do Chị L và anh S bận công việc nên không đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống thì Chị L và anh S sống nhờ nhà cha, mẹ ruột của anh S ở ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Thời gian đầu sau khi cưới thì Chị L và anh S chung sống hạnh phúc khoảng 04 tháng thì Chị L bỏ về nhà cha, mẹ ruột sinh sống. Lý do anh Lâm Bửu S đi nhậu Chị L có khuyên can nhưng không nghe, gia đình bên chồng chửi Chị L, dùng dao đe dọa Chị L, Chị L có báo chính quyền địa phương nhưng chỉ lập biên bản ghi lời khai, gia đình bên chồng (anh chồng) đuổi Chị L đi, nên Chị L không sống được. Sau đó thì Chị L bỏ về nhà cha, mẹ ruột sinh sống trong thời gian về nhà cha, mẹ ruột Chị L có đi về nhà cha, mẹ chồng nhiều lần. Đến cuối năm 2018 thì Chị L không về nhà cha, mẹ chồng tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp từ đó Chị L và anh S sống ly thân cho đến nay. Nay chị Huỳnh Thị L không còn tình cảm vợ chồng với anh Lâm Bửu S, tính tình vợ chồng không còn phù hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị L và anh S.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 01 con chung tên Huỳnh Thảo T, sinh ngày 25/8/2013 (hiện nay đang sống với chị Huỳnh Thị L). Chị L xác nhận đây là con chung của chị Huỳnh Thị L và anh Lâm Bửu S. Việc cán bộ xã không ghi tên cha và giấy khai sinh Huỳnh Thảo T là do Chị L và anh S không có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

Chị L yêu cầu được nuôi cháu Huỳnh Thảo T sau khi Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, Chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, việc cấp dưỡng Chị L và anh S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị L trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai bị đơn anh Lâm Bửu S trình bày:

Anh S và Chị L do quen biết và có tìm hiểu khoảng 06 tháng, có tổ chức đám cưới 2012, nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh S và Chị L bắt đầu sống chung như vợ chồng vào năm 2012. Do anh S và Chị L bận công việc nên không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì anh S và Chị L sống nhờ nhà cha, mẹ ruột của anh S ở ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Thời gian đầu sau khi cưới thì anh S và Chị L sống hạnh phúc. Sau khi cưới khoảng 04 tháng thì Chị L bỏ về nhà cha, mẹ ruột sinh sống nhưng vẫn có đi về nhà cha, mẹ chồng. Đến cuối năm 2018 thì Chị L về nhà cha, mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Khi còn chung sống thì anh S và Chị L đôi khi có cải vã do những mâu thuẫn nhỏ trong gia

đình, anh S cũng có quan tâm Chị L, việc Chị L bỏ nhà đi thì anh S không biết lý do. Anh S và Chị L ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay, anh Có khuyên Chị L về chung sống nhưng Chị L không về, anh S cũng không có biện pháp nào để Chị L về chung sống lại với anh S.

Nay anh Lâm Bửu S còn thương Chị L, tuy nhiên Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng thì anh Lâm Bửu S đồng ý.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 01 con chung tên Huỳnh Thảo T, sinh ngày 25/8/2013 (hiện nay đang sống với chị Huỳnh Thị L). Anh S xác nhận đây là con chung của anh Lâm Bửu S và chị Huỳnh Thị L, lý do con không mang họ của anh là do Chị L tự đi kê khai giấy khai sinh ở xã Trường Xuân B, với lại anh S và Chị L không có giấy kết hôn.

Anh Lâm Bửu S đồng ý giao cháu Huỳnh Thảo T sinh ngày 25/8/2013 cho chị Huỳnh Thị L nuôi sau khi ly hôn, anh Lâm Bửu S không cấp dưỡng nuôi con, việc cấp dưỡng anh S và Chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, anh S và Chị L thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Lâm Bửu S trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9, 14, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy banThường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng:

+ Về hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Thị L và anh Lâm Bửu S là vợ chồng.

+ Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao chị Huỳnh Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thảo T, sinh ngày 25/8/2013, ghi nhận Chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con Chị L và anh S tự thỏa thuận không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Chị L và anh S không yêu cầu nên không xem xét giải

quyết.

+ Về nợ chung: Chị L và anh S trình bày không có, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Lâm Bửu S và giải quyết về nuôi con chung. Anh Lâm Bửu S có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lâm Bửu S có mặt, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Lâm Bửu S.

[3] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị L và anh Lâm Bửu S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu Chị L và anh S chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do anh S thường xuyên uống rượu, Chị L có khuyên can nhưng anh S không sửa đổi, Chị L đã bỏ về nhà cha, mẹ ruột sinh sống, Chị L không còn tình cảm với anh S. Anh S còn thương Chị L nhưng không có biện pháp nào để Chị L trở về chung sống, thời gian chung sống Chị L và anh S có cải vã với nhau, đến cuối năm 2018 thì Chị L và anh S đã ly thân cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy Chị L và anh S có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn, đồng thời tình cảm vợ chồng không thể hòa giải, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLTTANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016. Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của Chị L.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị L và anh Lâm Bửu S thừa nhận có 01 con chung tên Huỳnh Thảo T, sinh ngày 25/8/2013 (hiện nay đang sống với chị Huỳnh Thị L). Chị L và anh S thỏa thuận giao cho Chị L chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con Chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, anh S không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, việc cấp dưỡng Chị L và anh S tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của Chị L và anh

S, Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh Lâm Bửu S không trực tiếp nuôi Huỳnh Thảo T, sinh ngày 25/8/2013 thì có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị L và anh Lâm Bửu S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị L và anh Lâm Bửu S trình bày không có nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Huỳnh Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[8] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 205, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Thị L và anh Lâm Bửu S là vợ chồng.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa Chị L và anh S, giao cháu Huỳnh Thảo T, sinh ngày 25/8/2013 (hiện nay đang sống với chị Huỳnh Thị L) cho chị Huỳnh Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Lâm Bửu S không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lâm Bửu S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị L và anh Lâm Bửu S trình bày không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai

thu số 0002111 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nhân